TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/HC-PT
Ngày 25/7/2019
"V/v Khiếu kiện các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 115/2019/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc "*Khiếu kiện các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 65/2018/HC-ST ngày 30 - 11 - 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng nghị và bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 806/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Trần Thị B**, sinh năm: 1956; địa chỉ cư trú: tỉnh Bình Định. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1966; nơi ĐKHKTT: tỉnh Bình Định; địa chỉ liên lạc: tỉnh Bình Định. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Trương Minh T**, Luật sư Công ty luật TNHH Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. **Chủ tịch UBND thị xã A, tỉnh Bình Định.**

2.2. **UBND thị xã A, tỉnh Bình Định.**

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông **Đặng Vĩnh S** - Chủ tịch UBND thị xã A, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1936; địa chỉ cư trú: Nhà số 10, đường M, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.2. Bà **Trần Thị Khánh L**, sinh năm 1943; địa chỉ cư trú: Xóm 2, thôn A, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.

3.3. Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1951; địa chỉ cư trú: tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.4. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1941 (chết).

3.5. Anh **Diệp Văn P**, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 56, khu vực 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.6. Chị **Diệp Thị K**, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Tổ 71, khu vực 8, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.7. Anh **Diệp Văn T1**, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 55, khu vực 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.8. Chị **Diệp Thị N1**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 11, khu vực 2, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.9. Chị **Diệp Thị L1**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Bình Định. Vắng mặt.

3.10. Chị **Diệp Thị H1**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú tại thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị S, anh Diệp Văn P, chị Diệp Thị K, anh Diệp Văn T1, chị Diệp Thị N1, chị Diệp Thị L1 và chị Diệp Thị H1: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1966, địa chỉ liên lạc: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.

3.11. Anh **Diệp Thanh T2**, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Bình Định. Vắng mặt.

3.12. Ông **Trần Hữu V**, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.13. Bà **Hồ Thị H2**, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.14. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1966; nơi ĐKHKTT: tỉnh Bình Định; địa chỉ liên lạc: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện - bà Trần Thị B.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo "Đơn khởi kiện" ngày 18/7/2016, ngày 30/7/2016", "Đơn khởi kiện bổ sung" ngày 08/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Trần Thị B, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là chị Nguyễn Thị H thống nhất trình bày:

Cha mẹ của bà Trần Thị B là cụ Trần T3 (chết năm 1972) và cụ Lê Thị D (chết năm 2001); các cụ có 05 người con là: Trần Văn T, Trần Thị B, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S, Trần Thị N (đã chết). Bà Trần Thị N có chồng chết trước bà N và các con là: Diệp Văn P, Diệp Thị K, Diệp Văn T1, Diệp Thị N1, Diệp Thị L1, Diệp Thị H1 và Diệp Thanh T2.

Thửa đất số 518 (nay là thửa số 519), tờ bản đồ số 08, diện tích 180,7m^2 có nguồn gốc là của cha mẹ bà B chết để lại. Thửa đất nói trên hiện nay ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 đang quản lý, sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01962 ngày 17/02/2014.

Cha mẹ bà B chết không để lại di chúc, nên thửa đất số 519 nêu trên nằm trong một phần di sản thừa kế của cha mẹ bà B phải được chia theo pháp luật cho các anh chị em trong nhà. Ngày 02/3/2003, năm chị em của bà B đã thống nhất bán cho vợ chồng ông bà Nguyễn Thị H và Hồ Ngọc T thửa đất nói trên với giá 32 chỉ vàng 9999, có ghi giấy viết tay, có vợ chồng bà Hồ Thị H2 làm chứng (giấy viết tay bà H đã làm mất). Thời điểm đó, bà H chỉ giao 22 chỉ vàng và được chia đều mỗi người 4 chỉ, 02 chỉ để liên hoan và cúng giỗ, còn ông T đã nhận trước 01 cây vàng để xây mồ mả cho cha mẹ. Tuy nhiên, ông Trần Văn T đã tự ý giải mạo chữ ký của các đồng thừa kế lập Hợp đồng chuyển nhượng phần đất nói trên cho ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 là không đúng quy định. Từ năm 2012 đến nay, bà B khiếu kiện liên tục đến các ban ngành từ địa phương đến trung ương. Sau đó, tại Công V số 396/CV ngày 05/7/2012, Báo cáo số 120/BC ngày 15/10/2013 (BL 135), Công V số 149/CV ngày 27/3/2013, Quyết định số 1746/QĐ ngày 12/7/2012 của Chủ tịch UBND thị xã A, đều có nội dung các tờ từ chối nhận di sản thừa kế quá 6 tháng kể từ khi mở di sản thừa kế là không đúng quy định của Bộ luật dân sự năm 1996 và Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ và UBND thị xã A không cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Trần Hữu V, bà Hồ Thị H2. Tuy nhiên, sau đó UBND thị xã A lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01962 ngày 17/02/2014 cho hộ ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà B và những đồng thừa kế khác. Do đó, bà B có đơn yêu cầu UBND thị xã A hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Ngày 21/6/2016, Chủ tịch UBND thị xã A ban hành Quyết định số 3113/QĐ-UBND, có nội dung: "*Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Trần Thị B ở 281, Trần Phú, phường B, thị xã A. Việc UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01962 ngày 17/02/2014 cho hộ ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 tại thửa đất số 518, tờ bản đồ số 08, diện tích 180 m^2 là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật*".

Nhận thấy quyết định nói trên ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị B; ngày 18/7/2016, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã A.

Ngày 08/6/2018, bà Trần Thị B có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01962 ngày 17/02/2014 mà UBND thị xã A, tỉnh Bình Định đã cấp cho hộ ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2.

Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã A và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01962 ngày 17/02/2014 mà UBND thị xã A, tỉnh Bình Định đã cấp cho hộ ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2.

Ngày 17/9/2018 bà Trần Thị B và ngày 19/9/2018, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tại Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng chữ ký mang tên các bà: Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S, Trần Thị B tại các "Đơn từ chối nhận di sản thừa kế" đề ngày 07/10/2002, "Giấy đồng thuận" đề ngày 07/3/2003, "Giấy chuyển nhượng nhà ở" đề ngày 02/3/2003, "Biên bản phân chia tài sản thừa kế gia đình của cha mẹ để lại" đề ngày 12/3/2003, vì cho rằng đó là chữ ký giả mạo và chữ viết trong "Giấy đồng thuận" đề ngày 07/3/2003, các "Đơn từ chối nhận di sản thừa kế" đề ngày 07/10/2002 có phải của ông Trần Văn T và ông Trần Hữu V không?

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị B và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảy.

Cùng với đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, bà Trần Thị B và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, bà B và bà H không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và cũng không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND thị xã A và UBND thị xã A, tỉnh Bình Định: Ông Lê Minh T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã A trình bày.

+ Về thủ tục giải quyết khiếu nại:

Ngày 17/11/2015, UBND thị xã A nhận được đơn khiếu nại của bà Trần Thị B; do đó, ngày 22/12/2015, UBND thị xã A đã ban hành Văn bản số 1229/UBND trả lời khiếu nại của bà Trần Thị B, với nội dung: UBND thị xã A đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ ông Trần Hữu V tại thửa đất số 519, tờ bản đồ số 08 nói trên là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Đồng thời, qua kiểm tra Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A không nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 400 m^2 đất còn lại cho bà Hồ Thị H2, trong tổng diện tích mà cha mẹ của bà Trần Thị B đã để lại tại tổ 8, khu vực V, phường B.

Không đồng ý văn bản trả lời nêu trên, bà Trần Thị B gửi đơn đến Ban tiếp công dân tỉnh Bình Định. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh, Ban tiếp công dân tỉnh chuyển đơn của bà Trần Thị B đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã A đối với thửa đất số 518 (nay là thửa số 519), tờ bản đồ số 08, phường B, thị xã A. Qua kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 43/BC-STNMT ngày 11/4/2016 về việc kiểm tra, xác minh đơn khiếu nại của bà Trần Thị B. Ngày 29/4/2016, UBND tỉnh ra Văn bản số 1600/UBND-TD, trong đó có nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND thị xã A giải quyết bằng Quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà Trần Thị B. Theo đó, UBND thị xã ra Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị B là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

+ Về Trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2.

Ngày 10/3/1966, Ty Điền địa tỉnh Bình Định cấp Chứng thư kiến điền cho ông Trần T3 (cha ông Trần Văn T và các bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S và Trần Thị B) sử dụng diện tích đất là 15 sào, 20 thước. Sau đó, ông Trần T3 và vợ là bà Lê Thị D xây dựng nhà ở và canh tác trên diện tích đất này, đến năm 1973, thì ông Trần T3 chết.

Thực hiện Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, bà Lê Thị D đã đăng ký sử dụng là thửa đất số 471, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.594 m^2, loại đất thổ cư (T) ở khu vực V, thị trấn Bình Định (vợ chồng ông Trần T3 và bà Lê Thị D có 05 người con là ông Trần Văn T và các bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S và Trần Thị B). Bà Lê Thị D tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất nêu trên. Đến năm 2001, bà Lê Thị D chết để lại cho các con là ông Trần Văn T và các bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S và Trần Thị B đồng thừa kế 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 khoảnh đất thổ cư diện tích 520 m^2.

Ngày 02/3/2003, ông Trần Văn T và các bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S và Trần Thị B cùng ký giấy chuyển nhượng nhà ở (không có chứng thực) cho ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 với giá 32 chỉ vàng, giới cận: Đông giáp đất bà Lê Thị D, Tây giáp đường hẻm, Nam giáp đường đi, Bắc giáp đất Gò. Từ đó đến nay vợ chồng ông Trần Hữu V, bà Hồ Thị H2 sử dụng phần đất chuyển nhượng nêu trên (nay là thửa đất số 519, tờ bản đồ số 08, diện tích 180,7 m^2).

Ngày 18/02/2011, ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 518 (nay là thửa đất số 519), tờ bản đồ số 08, diện tích 180,7 m^2 khu vực V, phường Bình Định (kèm theo giấy chuyển nhượng nhà ở ngày 02/3/2003 viết tay giữa bên bán gồm ông Trần Văn T và các bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S và Trần Thị B với bên mua ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2, có chữ ký của các bên liên quan). Ngày 18/01/2012, UBND phường Bình Định xác nhận hồ sơ đủ điều kiện và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2.

Ngày 01/6/2012, các bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S và Trần Thị B có đơn yêu cầu không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 đối với thửa đất nêu trên, vì cho rằng các chữ ký của các bà trong giấy mua bán đất viết tay giữa ông Trần Văn T với vợ chồng ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 ngày 02/3/2003 là giả mạo.

Ngày 05/7/2012, UBND thị xã có Văn bản số 396/UBND về việc hướng dẫn và trả lời đơn của bà Trần Thị N, có nội dung: *Việc các bà Trần Thị N, Trần*

Thị Khánh L, Trần Thị S và Trần Thị B kiến nghị việc ông Trần Văn T tự ý viết giấy chuyển nhượng nhà, đất (giấy viết tay) có nguồn gốc của cha mẹ chết để lại và giả mạo chữ ký của 4 chị, em bà bán cho vợ chồng ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 là việc tranh chấp dân sự (tranh chấp di sản thừa kế), không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; tạm thời không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 đối với thửa đất nêu trên vì đang xảy ra tranh chấp.

Ngày 28/02/2013, UBND thị xã A tiến hành đối thoại để giải quyết kiến nghị của các bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S và Trần Thị B. Ngày 07/3/2013, UBND thị xã có Văn bản số 26/TB-UBND về việc hướng dẫn các bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S và Trần Thị B gửi đơn đến Tòa án để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, các bà không thực hiện quyền khởi kiện của mình theo quy định của pháp luật.

Thời gian này, ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 liên tục có đơn gửi đến UBND tỉnh yêu cầu giải quyết dứt điểm việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông đối với thửa đất nêu trên. Ngày 20/12/2013, UBND tỉnh Bình Định có Văn bản số 5380/UBND -TD với nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND thị xã A khẩn trương thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Trần Hữu V theo đúng trình tụ, thủ tục quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó, UBND thị xã A thống nhất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01962 ngày 17/02/2014 cho ông Trần Hữu V, bà Hồ Thị H2 đối với thửa đất số 519, tờ bản đồ số 08, diện tích 180,7 m^2 thuộc khu vực V, phường Bình Định là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Như vậy, Chủ tịch UBND thị xã A ban hành Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 21/6/2016, có nội dung không công nhận khiếu nại của bà Trần Thị B yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nói trên là phù hợp.

Do đó, UBND thị xã A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B yêu cầu hủy Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã A và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHI 01962 ngày 17/02/2014 mà UBND thị xã A, tỉnh Bình Định đã cấp cho hộ ông Trần Hữu V, bà Hồ Thị H2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 518, tờ bản đồ số 08, diện tích 180,7 m^2 tại khu vực V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định là của vợ chồng ông V, bà H2 mua của ông Trần Văn T, các bà Trần Thị B, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S, Trần Thị N. Ngày 02/3/2003, ông T cùng các bà Trần Thị B, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S, Trần Thị N cùng ký giấy chuyển nhượng nhà ở cho vợ chồng ông bà. Do vợ chồng ông bà yêu cầu, nên các bà Trần Thị B, Trần Thị S, Trần Thị N đã làm đơn từ chối nhận di sản thừa kế ngày 7/10/2002 và bà Trần Thị Khánh L làm giấy đồng thuận có xác nhận của UBND xã N. Sau khi chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông, bà với giá 32 chỉ vàng, ông T có chia cho 4 chị em mỗi người 04 chỉ vàng. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông bà tiến hành làm thủ tục đăng ký, kê khai và được UBND thị xã A, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông, bà.

Do đó, ông bà không đồng ý khởi kiện của bà Trần Thị B yêu cầu hủy Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã A và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01962 ngày 17/02/2014 do UBND thị xã A, tỉnh Bình Định cấp cho ông bà, bởi lẽ: việc mua bán đất giữa anh chị em nhà ông T với vợ chồng ông bà là hợp pháp và đã được UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

+ Bà Trần Thị Khánh L và anh Diệp Thanh T2 thống nhất trình bày:

Bà L và anh T2 đều thống nhất với phần trình bày của người khởi kiện là bà Trần Thị B, ngoài ra bà không có yêu cầu hay trình bày nào khác.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị S, anh Diệp Văn P, chị Diệp Thị K, anh Diệp Văn T1, chị Diệp Thị N1, chị Diệp Thị L1 và chị Diệp Thị H1 là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H thống nhất với phần trình bày của người khởi kiện là bà Trần Thị B, ngoài ra bà không có yêu cầu hay trình bày nào khác.

+ Ông Trần Văn T trình bày:

Cụ Trần T3 (chết năm 1972) và cụ Lê Thị D (chết năm 2001); cụ Thập và cụ Diên có 05 người con là: Trần Văn T, Trần Thị B, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S, Trần Thị N (chết). Bà Trần Thị N có chồng chết trước bà N và các con là: Diệp Văn P, Diệp Thị K, Diệp Văn T1, Diệp Thị N1, Diệp Thị L1, Diệp Thị H1 và Diệp Thanh T2.

Thửa đất số 518 (nay là thửa số 519), tờ bản đồ số 08, diện tích 180,7 m2 có nguồn gốc là của cụ Trần T3 và cụ Lê Thị D chết để lại. Thửa đất nói trên hiện nay ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 đang quản lý, sử dụng và đã được

UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH10962 ngày 17/02/2014.

Năm 2001, cụ Lê Thị D mất, vì mấy chị em ai cũng khó khăn không có tiền xây mộ cho mẹ (cụ Lê Thị D) nên ông Trần Văn T đã tìm người mua thửa đất 519 nói trên là vợ chồng ông V, bà H2. Ông V, bà H2 đồng ý mua thửa đất với giá 03 lượng 02 vàng quy đổi ra là 32 chỉ vàng y. Ông T đã nhận cọc của vợ chồng ông V, bà H2 01 lượng vàng (10 chỉ vàng) để xây mộ cho mẹ. Sau khi xây mộ và hoàn tất các lễ cúng cho mẹ xong, thì 04 chị em của ông T gây khó dễ, không ký giấy bán đất cho vợ chồng ông V, bà H2. Đầu năm 2003, vợ chồng ông V đề nghị chị em của ông T ký Giấy chuyển nhượng nhà ở, đơn từ chối nhận di sản thừa kế để vợ chồng ông V, bà H2 làm vi bằng về sau thì vợ chồng ông V, bà H2 mới giao đủ số vàng còn lại. Sau đó, các chị em của ông T đồng ý và mỗi người đều làm một đơn từ chối nhận di sản thừa kế và giao toàn bộ tài sản lại cho ông T. Lúc đó, ông T đã nhận đủ số vàng còn thiếu là 02 lượng 02 vàng (22 chỉ vàng y) và chia cho mỗi người 04 chỉ, 02 chỉ còn lại giao cho ông T lo hương khói cho cha mẹ.

Đến năm 2011, vợ chồng ông V, bà H2 làm đơn gửi UBND phường Bình Định đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì các chị em của ông Trần Văn T lại tiếp tục cản trở và kéo dài đến năm 2014 thì vợ chồng ông V, bà H2 mới được UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Việc làm của các chị em ông T là trái với đạo đức và lương tâm của con người. Do đó, ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 65/2018/HCST ngày 30 - 11 -2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ quy định tại các Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; các Điều 116 và 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an; Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

Căn cứ Điều 29 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã A và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 01962 ngày 17/02/2014 mà UBND thị xã A, tỉnh Bình Định đã cấp cho cho hộ ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, lệ phí Tòa án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, bà Trần Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị hủy án sơ thẩm hoặc sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Cùng ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định có Kháng nghị số 2525/QĐ-VKS- HC đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính..

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định; Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị B và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định; nhận thấy:

[1.1] Bà Trần Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3113/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã A và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 01962 ngày 17/02/2014 mà UBND thị xã A, tỉnh Bình Định đã cấp cho hộ ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2; vì lý do ông Trần Văn T giả mạo chữ ký của các đồng thừa kế lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Trần Hữu V, bà Hồ Thị H2, dẫn đến việc UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và các đồng thừa kế.

Tại kết luận giám định số 778/C09C(Đ2) ngày 30/10/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận chữ ký mang tên các bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S, Trần Thị B dưới mục "các chị em đồng chuyển nhượng" trong Giấy chuyển nhượng nhà ở đề ngày 02/3/2003 với các chữ ký đứng tên của các bà bà Trần Thị N, Trần Thị Khánh L, Trần Thị S, Trần Thị B trên các mẫu so sánh không phải cùng một người ký ra.

[1.2] Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của Giấy chuyển nhượng nhà ở ngày 02/3/2003, đây là tài liệu quan trọng làm cơ sở cho việc UBND thị xã A cấp giấy chứng nhận, mà chỉ xem xét về quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 01962 ngày 17/02/2014 mà UBND thị xã A, tỉnh Bình Định đã cấp cho cho hộ ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2 là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

Mặt khác, hiện nay bà Trần Thị B cũng đang khởi kiện vụ án dân sự về yêu cầu chia thừa kế có liên quan đến nhà đất nói trên; trong đó có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 01962 ngày 17/02/2014 mà UBND thị xã A, tỉnh Bình Định đã cấp cho cho hộ ông Trần Hữu V và bà Hồ Thị H2, và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đang thụ lý giải quyết; lẽ ra trong trường hợp này Tòa án phải hướng dẫn đương sự rút đơn khởi kiện vụ án hành chính; trường hợp đương sự không rút đơn khởi kiện vụ án hành chính thì Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 34 của Luật tố tụng hành chính và Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định; hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên bà Trần Thị B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Tuyên xử:

Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 65/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, về "*Khiếu kiện các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Trần Thị B**, sinh năm: 1956; địa chỉ: Nhà số 281, đường Trần Phú, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Người bị kiện:

2.1. **Chủ tịch UBND thị xã A, tỉnh Bình Định.**

2.2. **UBND thị xã A, tỉnh Bình Định.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1936; địa chỉ: Nhà số 10, đường M, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.2. Bà **Trần Thị Khánh L**, sinh năm 1943; địa chỉ: Xóm 2, thôn A, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.3. Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1951; địa chỉ: tỉnh Bình Định.

3.4. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1941 (chết).

3.5. Anh **Diệp Văn P**, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 56, khu vực 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.6. Chị **Diệp Thị K**, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 71, khu vực 8, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.7. Anh **Diệp Văn T1**, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 55, khu vực 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.8. Chị **Diệp Thị N1**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 11, khu vực 2, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.9. Chị **Diệp Thị L1**, sinh năm 1975; địa chỉ: Bình Định.

3.10. Chị **Diệp Thị H1**, sinh năm 1977; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.11. Anh **Diệp Thanh T2**, sinh năm 1980; địa chỉ: Bình Định.

3.12. Ông **Trần Hữu V**, sinh năm 1962; địa chỉ: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.13. Bà **Hồ Thị H2**, sinh năm 1967; địa chỉ: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.14. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1966; nơi ĐKHKTT: tỉnh Bình Định; địa chỉ liên lạc: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho bà Trần Thị B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003575 ngày 17/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (do bà Nguyễn Thị H nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào